TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 134/2017/DS-PT
Ngày: 12-10-2017
V/v tranh chấp quyền sử dụng dất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lâm Thị Hiển
Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Hường
Ông Hoàng Kim Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Thủy-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Phan Văn Hoàn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12-10-2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2017/TLPT-DS ngày 19/7/2017 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 10/5/2017 của Toà án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắkbịkháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 122/2017/QĐPT-DS ngày 17/8/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Văn N, sinh năm 1966, có mặt.
Bà Hồ Thị Biên T
Trú tại: Tổ 3, tiểu khu 6, P. Đ, Tp. ĐH, tỉnh Quảng Bình.
(Bà Hồ Thị Biên T ủy quyền cho chồng là ông Võ Văn N tham gia tố tụng).

2. Bị đơn:
01/ Bà Trần Thị N1, vắng mặt.
02/ Ông Huỳnh Thanh H, có mặt.
03/ Ông Trương Đình N2, có mặt.
04/ Ông Phạm Văn L, vắng mặt.
05/ Ông Lê Văn Đ, có mặt.
Cùng trú tại: Thôn 4, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Ông Đinh CôngT1 (chồng bà Trần Thị N1), vắng mặt.
- Bà Nguyễn Thị S (vợ ông Trương Đình N2), vắng mặt.
- Bà Đinh Thúy K (vợ ông Phạm Văn L), vắng mặt.

- Bà Hồ Thị T2 (vợ ông Lê Văn Đ), vắng mặt.
- Bà Trương Thị N3 (vợ ông Huỳnh Thanh H), vắng mặt.
Cùng trú tại: Thôn 4, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.
- Ông Nguyễn N4 và bà Võ Thị S1, vắng mặt.
Trú tại: Thôn TL, xã P, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk.
- Ông Y H1, có mặt.
Trú tại: Buôn T, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.
- Ông Y T3, có mặt.
Trú tại: Buôn T, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.
- Ông Y L2, vắng mặt.
Trú tại: Buôn S2, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.
- Ông Hồ D, vắng mặt.
Trú tại: Thôn 4, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.
- Ông Phạm Ngọc Đ2 và bà Ngô Thị N, vắng mặt.
Trú tại: Thôn 3, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.
- Ông Phạm Ngọc N6 và bà Nguyễn Thị T4, vắng mặt.
Trú tại: Thôn 5, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.
- Ông Lương Văn T5 và bà Vũ Thị H2, vắng mặt.
Trú tại: Thôn 4, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.
- Ông Nguyễn Q và bà Hà Thị C, vắng mặt.
Trú tại: Thôn BĐ, xã CT, huyện PC, tỉnh BĐ.
- Ông Đặng T6 và bà Phạm Thị B, (không xác định được địa chỉ).
- Ông Đỗ Huy T7 (đã chết), bà Nguyễn Thị H3, (không xác định được địa chỉ).
- Vợ chồng ông Bùi Tấn B1,(không xác định được địa chỉ).

4. Kháng cáo; kháng nghị: Nguyên đơn ông Võ Văn N và bà Hồ Thị Biên T; Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'leo kháng nghị một phần bản án sơ thẩm.

NỘI D VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Võ Văn N và bà Hồ Thị Biên T trình bày: Ngày 29/8/1989, vợ chồng ông Đặng T6, bà Phạm Thị B cư trú tại: buôn T, xã E, huyện E có chuyển nhượng cho vợ chồng ông bà diện tích đất khoảng 4000m^2, cụ thể: Chiều rộng theo đường QL14 khoảng 40m, chiều dài khoảng100m. Trên đất có một căn nhà ván, mái lợp tranh, 20 cây cà phê và 20 trụ tiêu. Hai bên có viết giấy tờ tay và được Ủy ban nhân dân xã E xác nhận.

Sau khi nhận chuyển nhượng thì vợ chồng ông bà có đến ở một thời gian, đến khoảng tháng 8/1992 thì vợ chồng ông bàN về Hà Nội và có giao thửa đất này cho ông Hồ D (bố vợ ông N) quản lý, giao miệng không có giấy tờ gì, để khi có điều kiện thì chuyển nhượng cho người khác. Đến tháng 12/1992 thì vợ chồng ông bà chuyển hẳn về Quảng Bình sinh sống. Từ tháng 8/1992 đến năm 2005 vợ chồng ông bà không trở lại huyện E nên không biết gì về thửa đất trên, vào tháng 5/2005 khi ông Hồ D ra Quảng Bình thăm mới nói chuyện thửa đất trên đã bị ông buôn trưởng buôn T bán cho vợ chồng ông N4, bà S1. Đến giữa năm 2007, vợ chồng ông bà mới khiếu kiện tại các

cơ quan chức năng.Nay ôngbà yêu cầu các hộ đang ở trên đất của ông bà phải trả lại đất cho ông bà.

Trong quá trình giải quyết vụ án: Tại các phiên hòa giải ngày 15/6/2016, ngày 23/10/2015 và tại phiên tòa sơ thẩm ông N yêu cầu nếu những hộ dân này không trả bằng đất thì phải trả giá trị đất bằng tiền theo mức là 15.000.000đ/1m ngang (mặt tiền) ứng với phần đất của mỗi người đang sử dụng.

Các đồng bị đơn:

1. Ông Trương Đình N2 trình bày: Ngày 30/10/1994, vợ chồng ông Nguyễn N4, bà Võ Thị S1chuyển nhượng cho ông diện tích đất là 375m^2 (chiều ngang 5m, chiều dài 75m), hai bên có viết giấy tờ tay và được Ủy ban nhân dân xã E chứng thực. Trên diện tích nhận chuyển nhượng không có tài sản gì, sau đó vợ chồng ông xây căn nhà cấp 4 và sử dụng ổn định nhiều năm đến khi tranh chấp. Khi mua đất từ ông Nguyễn N4 thì ông không hề biết đất này là của ông N và ông cũng không biết ông N là ai. Quá trình sử dụng đất ông đã nộp thuế nhà đất đầy đủ. Ông không đồng ý với yêu cầu của ông N.

2. Ông Lê VănĐ, trình bày: Ngày 12/12/1995, qua sự giới thiệu của ông Hồ D, vợ chồng ông Nguyễn N4, bà Võ Thị S1chuyển nhượng cho ông diện tích đất có chiều ngang 4m và chiều dài 75m, hai bên có viết giấy tờ tay và được Ủy ban nhân dân xã E chứng thực. Trên diện tích nhận chuyển nhượng không có tài sản gì, sau đó vợ chồng ông xây căn nhà cấp 4 và sử dụng ổn định nhiều năm đến khi tranh chấp. Khi mua đất từ ông Nguyễn N4 thì ông không hề biết đất này là của ông N và ông cũng không biết ông N là ai. Quá trình sử dụng đất ông cũng đã nộp thuế nhà đất đầy đủ. Ông không đồng ý với yêu cầu của ông N.

3. Ông Huỳnh Thanh H trình bày: Ngày 03/4/1998, vợ chồng ông Nguyễn N4, bà Võ Thị S1chuyển nhượng cho ông Nguyễn Q, bà Hà Thị C diện tích đất là 450m^2 (chiều ngang 6m, chiều dài 75m), hai bên có viết giấy tờ tay và được Ủy ban nhân dân xã E chứng thực. Đến ngày 12/8/1998, vợ chồng ông Q, bà Cchuyển nhượng lại thửa đất này cho vợ chồng ông, do bà C là dì ruột của ông nên hai bên chỉ viết giấy tờ tay, không qua chính quyền địa phương xác nhận. Vợ chồng ông dựng căn nhà gỗ và sinh sống ổn định nhiều năm đến khi tranh chấp. Ông không mua bán hay lấn chiếm đất của ông N nên ông không đồng ý yêu cầu của ông N.

4. Bà Trần Thị N1 và ông Đinh CôngT1, trình bày: Nguyên trước đây, vợ chồng ông Lương Văn T5, bà Vũ Thị H2 có nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn N4, bà Võ Thị S1 diện tích đất 525m^2. Ngày 16/6/2003, vợ chồng ông T5, bà H2chuyển nhượng lại cho ông Phạm Ngọc N6 toàn bộ diện tích đất này và được Ủy ban nhân dân xã E chứng thực. Ngày 22/7/2006, vợ chồng ông N6, bà T4 ủy quyền cho vợ chồng ông Phạm Ngọc Đ2, bà Ngô Thị N (ông N6 anh trai của ông Đ2) chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông bà toàn bộ diện tích đất trên. Hai bên có viết giấy chuyển nhượng và được Ủy ban nhân dân xãE chứng thực. Ông bà đã xây dựng căn nhà xây 2 tầng và sinh sống ổn định nhiều năm đến khi tranh chấp. Ông bà mua bán rõ ràng không lấn chiếm đất của ông N nên không chấp nhận yêu cầu của ông N.

5. Ông Phạm Văn L trình bày: Năm 2003, ông Đỗ Huy T7 có nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Bùi Tấn B1, diện tích đất 7m x110m tại thôn 4, xã E. Năm 2008, vợ chồng ông Đỗ Huy T7chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông diện tích đất nói trên và hai bên có viết giấy tờ tay, được Ủy ban nhân dân xã E xác nhận. Ông không biết ông N là ai và không hề lấn chiếm đất của ai nên không đồng ý yêu cầu của ông N.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Phạm Ngọc Đ2 tại biên bản lấy lời khai ngày 20/6/2013 trình bày: Tháng 6/2003 tôi có nhờ Phạm Ngọc N6 là anh trai của tôi đứng tên mua giúp tôi một diện tích đất của vợ chồng ông bà Lương Văn T5, Vũ Thị H2 chiều ngang theo Quốc lộ 147,5 m; chiều ngang phía sau 6,5m chiều sâu khoảng 110m tại thôn 4, xã E, huyện E, sau đó do không có nhu cầu sử dụng nên tôi đã bán lại cho vợ chồng ông bà Trần Thị N1 việc sang nhượng đều được chính quyền địa phương cho phép và xác nhận, về thủ tục chuyển nhượng thì do anh N6 là người đứng tên mua nên sau này anh N6 làm ủy quyền cho tôi bán lại cho vợ chồng bà N1. Việc chuyển nhượng đã hoàn tất tôi đã nhận đủ tiền và giao đất, nay không liên quan gì đến thửa đất này nữa.

2. Bà Hà Thị C, tại biên bản lấy lời khai ngày 28/11/2013 trình bày: trước đây do đã lâu nên không nhớ rõ thời gian vợ chồng tôi có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn N4 một diện tích đất nhưng nay không nhớ cụ thể, sau đó vợ chồng tôi chuyển về quê nên bán lại cho anh Huỳnh Thanh H, chúng tôi đã nhận đủ tiền và giao đất, việc mua bán được chính quyền địa phương cho phép và ký xác nhận, nay chúng tôi không liên quan gì đến diện tích đất này nữa, mọi vấn đề do anh H quyết định.

3. Ông Hồ D, tại các bản tự khai và biên bản lấy lời khai ông trình bày: Năm 1992, do vợ chồng N, T có Thiếu nợ của người đồng bào dân tộc tại chỗ và không trả được nợ nên bỏ trốn về Quảng Bình sinh sống và khi đi có nói với tôi là "Ba trông nhà cho con". Sau khi vợ chồng N, T đi thì vào sáng hôm sau người đồng bào đã đến dỡ nhà, chỉ còn lại đất trống. Năm 1993, thì người đồng bào dân tộc đứng ra bán thửa đất này cho vợ chồng ông Nguyễn N4, bà Võ Thị S1. Việc chuyển nhượng này có viết giấy tờ tay và được chủ tịch UBND xã E xác nhận. Sau đó, ông là người giới Thiệu để cho vợ chồng ông Nguyễn N4chuyển nhượng lại cho ông Lê Văn Đ một phần đất 4 m ngang mặt tiền, còn lại ông N4 bán cho ai thì ông không biết.

4. Ông Y H1, trình bày: Trước đây, vợ chồng ông N, bà T có vay của ông 2 chỉ vàng 97% và một số hộ khác Nhưng vợ chồng ông N, bà T bỏ đi nơi khác sinh sống. Không nhớ rõ thời gian thì ông Y T3 là buôn trưởng buôn T có gọi ông lên nhà và đưa cho ông 2 chỉ vàng 97% mà vợ chồng ông N nợ nhưng không nói gì. Đối với tài liệu là giấy Sangnhượng đất vườn lập ngày 30/6/1994, ông Y H1 khẳng định: Ông hoàn toàn không biết gì về việc chuyển nhượng này, cũng không biết vợ chồng ông Nguyễn N4, bà Võ Thị S1 là ai, ông không được học chữ phổ thông nên hoàn toàn không biết chữ, các giao dịch đều điểm chỉ. Vì vậy, chữ viết ghi họ tên Y H1 trong tài liệu trên không phải là của ông nên ông yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định và làm rõ ai là người giả mạo tên của ông. Ông cho rằng mình không có trách nhiệm gì trong việc ai đó bán đất của ông N.

5. Ông Y T3: (người được cho là đã xác nhận trong giấy mua bán đất giữa Y H1 với ông N4, bà S1 với T4 cách là buôn trưởng buôn T) trình bày: Nguyên trước đây, vợ chồng ông N, bà T có nợ tiền, vàng của một số người đồng bào dân tộc tại chỗ trong buôn, do không trả được nợ nên vợ chồng ông N bỏ đi nơi khác sinh sống. Khoảng hai tháng sau thì vợ chồng ông Hồ D (là bố đẻ bà T) có đưa tiền, vàng cho ông (không nhớ là bao nhiêu) và nhờ trả nợ cho những người đồng bào dân tộc mà ông N, bà T nợ họ, bởi lúc đó ông là buôn trưởng buôn T. Đối với phần xác nhận của buôn trong giấy sangnhượng đất vườn lập ngày 30/6/1994, ông Y T3 khẳng định: Chữ viết chứng thực của thôn buôn và chữ viết, chữ ký trong tài liệu này không phải là chữ viết và chữ ký của ông nên ông yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định và làm rõ ai là người giả mạo tên của ông.

6. Ông Nguyễn N4 và bà Võ Thị S1: Trong quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án đã triệu tập nhiều lần Nhưng ông bà không đến, sau đó Tòa án huyện đã ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện P lấy lời khai, tại biên bản ghi lời khai ngày 02/12/2012 ông N4 bà S1 trình bày:

Trước đây ông bà có nghe ông Hồ D nói con rể ông là Võ Văn N có nợ tiền, vàng của người dân tộc, không có tiền trả nên đã bỏ trốn về quê nên chính quyền thôn và xã đứng ra can thiệp bán lô đất của ông Võ Văn N để lấy tiền trả nợ cho đồng bào, ông Hồ D giới thiệu cho tôi mua lô đất này, người đứng ra bán là ông Y H1 (khi đó ông Y H4) là chủ tịch UBND xã), khi mua có giấy viết tay và có xác nhận của chủ tịch UBND xã, về diện tích và số tiền vì đã lâu nên không còn nhớ. Sau khi mua lô đất này thì ông N4 đã bán lại cho một số người, nhưng do thời gian đã lâu nên không nhớ đã bán cho những ai và diện tích mỗi người mua là bao nhiêu.

7. Ông Y L2, nguyên là chủ tịch UBND xã E người đã ký xác nhận trong giấy bán đất giữa ông Y H1 với ông bà Nguyễn N4, Võ Thị S1, trình bày: Ông là người ký xác nhận nhưng do sự việc đã lâu, nay ông không còn nhớ đã ký xác nhận trong tình trạng như thế nào, ở đâu và ai là người đưa đến xác nhận.

Tại bản án số 03/2017/DS-ST ngày 10/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo đã quyết định:

Áp dụng các Điều 25; 33; 35 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2004; các Điều 147; 195 Bộ luật dân sự năm 1995; các Điều 73, 87 Luật đất đai năm 1993; pháp lệnh án phí về lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn N, bà Hồ Thị Biên T, về việc buộc các hộ Lê Văn Đ, Trương Đình N2, Phạm Văn L, Trần Thị N1, Huỳnh Thanh H phải trả lại đất hoặc trả giá trị đất bằng tiền cho ôngN, bà T.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí định giá tài sản, chi phí giám định, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 22/5/2017, nguyên đơn ông Võ Văn N và bà Hồ Thị Biên T kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm bác đơn khởi kiện của vợ chồng ông bà là không đúng, không đảm bảo quyền, lợi hợp pháp của gia đình ông bà vì diện tích đất thuộc quyền sở hữu của ông bà nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét.

Ngày 23/5/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk có quyết định kháng nghị số 209/QĐKN-DS với nội dung: Bản án sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc các bị đơn phải trả lại đất hoặc trả giá trị đất bằng tiền là áp dụng chưa đúng quy định của pháp luật, vi phạm Điều 73 Luật đất đai năm 1993; Điều 693, Điều 695 BLDS làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm về trách nhiệm trả giá trị đất bằng tiền đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán và HĐXX đã tuân thủ đúng quy định của BLTTDS, các đương sự đều được thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Đối với quyết định kháng nghị số 209/QĐKN-DS ngày 23/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện E là không có cơ sở. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 284 BLTTDS, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk rút toàn bộ Quyết định kháng nghị số 209/QĐKN-DS ngày 23/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'leo. Về kháng cáo của nguyên đơn xét thấy rằng: Diện tích đất này bà N1, ông Đ, ông N2, ông H, ông L đang sử dụng là do các bị đơn nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông N4, bà S1 hoặc người khác và có xác nhận của chính quyền địa phương. Do đó việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các bị đơn là ngay tình, họ không có hành vi chiếm giữ hay lấn chiếm đất của ông N, bà T nên Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử không chấp nhận đơn khởi kiện của ông N, bà T là có căn cứ. Do vậy, kháng cáo của ông N, bà Tkhông có cơ sở chấp nhận. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 284, khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của ông N, bà T; chấp nhận việc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk rút toàn bộ Quyết định kháng nghị số 209/QĐKNPT-DS ngày 23/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'leo – Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Diện tích đất 1.909,4 m^2 thuộc các thửa số 12, 20, 21, 22, 23 tờ bản đồ số 160 tại thôn 4 xã E, huyện E, hiện đangtranh chấp giữa ông Võ Văn N, bà Hồ Thị Biên Tvà 5 hộ dân gồm: Lê Văn Đ, Trương Đình N2, Phạm Văn L,Trần Thị N1, Huỳnh Thanh H có nguồn gốc là do ông Võ Văn N, bà Hồ Thị Biên T nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Đặng T6 và bà Phạm Thị B01 căn nhà ván mái lợp tranh trên diện tích đất khoảng 4000m^2 (chiều rộng giáp QL14 khoảng 40m, chiều dài khoảng 100m) vào năm 1989.

Sau khi nhận chuyển nhượng nhà đất của vợ chồng ông T6 bà B, vợ chồng ông N bà T quản lý sử dụng nhưng chưa đăng ký kê khai và chưa được cấp giấy CNQSD đất. Năm 1992 ông N bà T chuyển về quê ở Quảng Bình sinh sống, khi đi thì có nhờ

ông Hồ D (bố vợ ông N) quản lý để khi có điều kiện thì chuyển nhượng cho người khác (chỉ nói miệng không có giấy tờ gì). Tại các bút lục 177, 197 ông Hồ D khai có nội dung: "Vợ chồng NT có căn nhà tranh vách thưng ván trên diện tích đất khoảng 2.100m^2, đến năm 1992 có thiếu nợ đồng bào dân tộc Buôn T, xã E không có tiền để trả nên vợ chồng bỏ trốn về Quảng Bìnhsinh sống. Sau khi vợ chồng NT về quê thì một số người đồng bào Buôn T đến tháo dỡ nhà ván của vợ chồng ông N và lấy đất sử dụng vì họ cho rằng ông N nợ vàng của họ nhưng không trả mà bỏ trốn. Đến năm 1993 ông giới thiệu cho vợ chồng ông N4, bà S1 (bà S1 là em vợ ông Hồ D) nhận chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất này. Đến năm 1995 vợ chồng ông S1 bà N4 nhờ ông bán lại đất đó".

Tại biên bản đối chất ngày 08/5/2013 (bút lục số 208) ông Võ Văn N thừa nhận " có nợ vàng khoảng 03 chỉ của người đồng bào trong buôn Tnhưng không nhớ nợ của ai".

Tại biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn N4 và bà Võ Thị S1 (bút lục số 122) thể hiện năm 1993 nghe ông Hồ D (là anh rể bà S1) nói vợ chồng ông Nbà T có nợ một số tiền của mấy người dân tộc không có tiền trả và bỏ trốn, tại thời điểm đó ông Y H1 là Chủ tịch xã can thiệp đứng ra bán đất để lấy tiền trả cho mấy người dân tộc nên ông Hồ D đã giới thiệu cho ông bà mua lô đất trên, khi mua có đầy đủ giấy tờ của chính quyền địa phương xác nhận sau đó ông bà đã chuyển nhượng đất cho người khác.

Như vậy, theo lời khai của ông Hồ D, bà S1, ông N4 và ông Võ Văn Nthể hiện thời điểm tháng 8 năm 1992 (trước khi vợ chồng ông N bà T đi khỏi địa phương) thì ông Nco nợ vàng của một số người đồng bào dân tộc. Năm 1993 ông Hồ D giới thiệu cho ông N4 bà S1 nhận chuyển nhượng đất thì người đứng tên chuyển nhượng đất là ông Y H1, có xác nhận của ông Buôn trưởng buôn T (ông Y T3) và Chủ tịch UBND xã E (ông Y L2) để lấy vàng trả cho những hộ dân mà ông N nợ ở buôn T, xã E. Sau đó ông N4 bà S1chuyển nhượng lại toàn bộ thửa đất cho ông N2, ông Đ, ông Q, ông T5, ông B1 (ông Qchuyển nhượng lại cho ông Huỳnh Thanh H, ông T5chuyển nhượng lại cho ông Phạm Ngọc N6 và ông N6 tiếp tục chuyển nhượng lại cho ông Đinh Văn T1 bà Trần Thị N1, ông Bùi Tấn B1chuyển nhượng lại cho ông Đỗ Huy T7, ông T7 tiếp tục chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông Phạm Văn L).

Xét thấy, việc ông N, bà T khởi kiện để đòi lại diện tích đất mà các hộ bà Trần Thị N1, ông Huỳnh Thanh H, ông Trương Đình N2, ông Phạm Văn L, ông Lê Văn Đ đang quản lý sử dụng là do họ nhận chuyển nhượng từ ông N4, bà S1 hoặc người khác đã nhận chuyển nhượng từ ông N4, bà S1.

Bà N1, ông H, ông N2, ông L và ông Đ không có hành vi chiếm giữ hay lấn chiếm đất của ông N bà T. Mặt khác khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì ông N4 bà S1 đã cho họ biết diện tích đất này là do ông N4 bà S1 nhận chuyển nhượng từ ông R H1 có giấy sangnhượng đất vườn đã được Buôn trưởng buôn T và Ủy ban nhân dân xã E xác nhận, khi nhận chuyển nhượng đất họ cũng được UBND xã E xác nhận và đã trả đủ tiền, nhận đất, xây nhà ở ổn định từ đó đến nay. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N bà T là có căn cứ.Nên không chấp nhận kháng cáo củaông Võ Văn N và bà Hồ Thị Biên T.

Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông N và bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận việc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk rút toàn bộ Quyết định kháng nghị số 209/QĐKNPT-DS ngày 23/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk; Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Võ Văn N và bà Hồ Thị Biên T -Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn N, bà Hồ Thị Biên T, về việc buộc các hộ Lê Văn Đ, Trương Đình N2, Phạm Văn L,Trần Thị N1, Huỳnh Thanh H phải trả lại đất hoặc trả giá trị đất bằng tiền cho ông N, bà T.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Văn N và bà Hồ Thị Biên T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2014/0043075 ngày 26/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea H'leo;
- Chi cục THADS huyện E;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lâm Thị Hiển